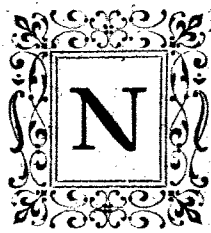


VOYAGE AU TONKIN

EN 1876

CHUYẾN ĐI BẮC-KỲ

NĂM ẤT-HỢI



Năm ất hợi (1876), bãi trường tham-biện vừa xong, vùng tính đi ra Bắc chơi một chuyến cho biết. Trong bụng muốn cũng đã lâu ; nên xin với quan trên, nhơn điệp chiếc tàu Duchaffaud đi mà đi. Về sấm hòm-rương áo-quân. Rủ thầy ba Hớn với ông sáu Thìn, nguyên một người ở tỉnh Bắc-ninh, một người ở Sơn-tây mà vào trong Nam-kỳ đã lâu, đi theo trước là cho có bạn, sau nữa là cho họ về thăm quê-quán.

Qua ngày 18 tháng chạp đề-huê xuống tàu. Sớm mai giờ thứ 9 rưỡi nhổ neo. Vợ con đi đưa, ngồi xe đi rảo trên bờ cho đến tàu quay trở rồi riu-riu chạy xuống đồn Cá-trê, mới về. Xế giờ thứ hai ra cửa Cần-giờ, chỉ mũi chạy ra mũi Né.

TỚI CỬA HÀN

Ngày 21 vô vùng Hàn vừa giờ thứ 5 chiều. Vô đó mà đưa ông Nguyễn-hữu-Độ, là quan triều sai vô, lên mà về kinh. Đạn ngủ đó một đêm.

Chạy hai ngày rưỡi nữa, vô thân trong Cát-Bà đậu lại đó (ngày 25 hồi giờ thứ 10). Đến giờ thứ nhứt rưỡi qua tàu Aspic mà lên Hải-phòng (đồn Ninh-hải).

TỚI HẢI-PHÒNG

Lên bờ đi thăm quan lãnh-sự (M. Ture), rồi qua bên kia sông tới trọ nhà chú Khách Wan-sing. Sáng bữa sau lại qua ăn cơm nơi quan lãnh-sự, rồi đi thăm các thầy làm việc ở đó cho luôn.

LÊN HẢI-DƯƠNG

Tối lại, đi theo thuyền ông thương-biện Lương quen khi đi sứ bên Tây năm 1863 mà lên tỉnh Hải-dương, 27 tới tỉnh. Vào thành ra mắt quan lớn là ông Phạm phú-Thứ làm Thương-chánh đại-thần kiêm tổng-đốc tỉnh Hải-dương và tỉnh Quảng-yên, có quen thuở đi sứ bên Tây. Người mềnh-rở lắm. Nội ngày cũng tới viếng ông tuần-phủ Nguyễn-Doãn, nguyên trước có quen khi người vô giao-hòa lần sau tại Gia-định.

ĐI LÊN HÀ-NỘI

Các quan cầm ở lại đó chơi, ăn tết rồi hãy lên Hà-nội, khi ấy là mùa đông, trời rét lạnh nên ăn ngon cơm lắm. Mấy bữa ấy, hội các quan lớn nhỏ cả tỉnh đủ mặt ; khi ăn khi uống chuyện-văn cả đêm cả ngày. Quan đại lại bày làm rạp hát cho ba bữa luôn, coi hát bội cho no, rồi lại hát nhà-trò. Vui-vầy với nhau thế ấy cho tới mồng 6 tết, chiều giờ thứ nhứt mới lên vồng lên cang mà đi đường bộ lên thành Hà-nội. Trước hết nghỉ chơn tại cái chùa kia. Qua cung sau, nghỉ Ngạt-kéo, mặt trời chen lặn tới huyện Cẩm-giang. Ông huyện tên là Dương-Xuân ra rước vô nhà ngủ đó. Sáng, cơm nước rồi giờ thứ 8 từ-giã ra đi.

TỚI HÀ-NỘI

Từ Cẩm-giang lên cho tới Hà-nội nghỉ bốn chặng :

- 1° Quán Cầu-đất (giờ thứ 10).
- 2° Tại Đồng-súng (giờ thứ 12 trưa).
- 3° Ngã-tư-Dầu (giờ thứ nhứt rưởi).
- 4° Chợ Bún (giờ thứ 3 rưởi).

Giờ thứ tư rưởi chiều ra tới bờ đê, đi trên đường quai xuống mé sông Bồ-đề, mướn dò đưa qua cửa Phố-mới.

Giờ thứ 8 tối tới nhà Hương-công là khách-thương Gia-định ra mua hoa-chi nha-phiến đó.

Ở TẠI THÀNH HÀ-NỘI

(Ngày mồng tám tết 1876)

ĐI THĂM LÃNH-SƯ

Sáng ngày ra đi thăm ông de Kergaradec làm lãnh-sự Lang-sa tại Hà-nội, còn ở đỡ trong trường-thị của An-nam. Ra gặp ông điều-lộ Lang-sa tên là Jardon cầm ở lại ăn cơm sớm mai đó. Rồi ra khỏi đó, thấy ba Hớn đem vô nhà bá-hộ Kim ở hàng xa-cù chơi, đi coi hàng xa-cù một dãy đó là người có đạo cả. Luôn đường lại rủ nhau đi coi cảnh chùa ông Nguyễn-đăng-Giai lập một bên mép hồ Hoàn-gươm.

COI CHÙA NGUYỄN-ĐĂNG-GIAI

Nguyên thuở ông Nguyễn-đăng-Giai ngồi tổng-dốc tại Hà-nội, người bày ra cho đi thú-quyền tiền quan dân mà lập nên kiềng chùa thờ Phật. Làm cũng đã công-phu lắm, tốn tiền-gạo hết nhiều, nên mới có bài thơ học trò bắc ché ông ấy rang :

Phước-đức chi mầy bố dĩ Giai ?
Làm cho tốn bắc lại hao Đoài,
Kia gương Võ-đế còn treo đó,
Ngạ tử Đài-thành Phật cứu ai ?

Cảnh chùa ấy thật đã nên là tốt : vô cửa hai bên có tháp cao. Vào trong có hồ đi quanh-co vòng theo chùa, lại ẩn lọt dưới chùa nữa, hai bên mép xây đá cả. Cầu bắc từ phía qua chùa đều cũng xây đá gạch hết hẳn-hỏi. Xung-quanh bốn phía có nhà hành lang chạy dài ra sau giáp nhau.

Trong chùa-đàng trước đề tượng Phật đứng bàn cả đám, bình lớn-to, quang-thếp cả. Hai bên sau có làm động và tháp điện, đều bong hình noi ra hết. Đàng sau đền, có tạc hình-cột ông Nguyễn-đăng-Giai.

Phải chi nhà-nước lo tu-bồ giữ gìn thì ra một cái kiềng rất xinh rất đẹp. Mà nay thầy chùa thầy sãi ở đó, dở ngói, cạy gạch bàn lẩn đi mà ăn, nên hư-tệ đi uổng quá.

HỒ HOÀN-GUƠM

Ngoài cửa có cái hồ Hoàn-gươm rộng lớn ; giữa hồ lại có cái cù-lao nho-nhỏ có cất cái miếu Ngọc-sơn, cây cối im-rợp huyền-vũ coi tươi-tốt. Nhà thiên hạ, phố-xá ở bao lấy miệng hồ.

Hồ này ở tại ngoài cửa đông nam tỉnh thành. Người ta truyền rằng : vua Lê-thái-Tổ ngự thuyền dạo chơi trong hồ, có con qui lớn nổi lên, vua lấy gươm chỉ nó, nó ngậm gươm nó lặn đi. Có kẻ lại rằng : vua Lê-thái-tổ thuở xưa được gươm thần, ẩn thần bên khi binh, lấy để truyền làm báu đời. Đến đời vua Lê-thánh-Tông mất thì gươm ẩn ấy đều mất đi. Sau người ta thấy đầu gươm nổi dưới hồ, thò tay lấy, nó lại thụt mất đi, nên gọi là hồ Hoàn-gươm.

Đời sau lấy chỗ ấy làm chỗ tập binh thủy, nên cũng có kêu tên là hồ *Thủy-quân* nữa. Lúc năm Vĩnh-hựu có lập Thoại-cung (Khánh-thoại), đắp gò Đào-tư gò Ngọc-bội mà tượng việc võ-công. Sau lập ra hai sở, sở bên bắc kêu là *lả-vọng-hồ*, sở bên nam lại kêu là *hữu-vọng-hồ*.

Có truyện ngoài lại nói ông Lê-Lợi, sau là vua Lê-thái-Tổ, thuở hàn-vi đi chài dưới hồ ấy mà được cái gươm vàng. Tích nó là làm vậy : Thuở ấy nhà Trần suy đi, bị Hồ-qui-Lý chiếm ngôi ; lại bị nhà Minh bên Tàu qua đánh lấy nước, nói để lập con cháu nhà Trần lại ; mà không có làm. Có ông Nguyễn-Thuần có chí-khí hay cần vương tá quốc, mới đi lên non lên núi mà tìm con cháu dòng tiền Lê, lo lấy nước lại. Đi bơ-vơ, tối chun xả vô cái miếu ở dựa mép đường đi mà ngủ. Khuya lại nghe tiếng kêu : *ó anh ! sao chưa sắm-sửa đi chài ?* thì nghe tiếng đáp lại rằng : *Thôi, anh có đi, thì xin kiêu giùm cho tôi chút ; nay tôi có khách ; Bãi chài rồi về có sự gì nói cho tôi hay với.* Nguyễn ngủ lại ; sáng ra lại nghe tiếng ứng kêu mà nói trên Thiên-đỉnh đã định cho Lê-Lợi làm vua. Nguyễn dậy mới cang đi tìm-sát lăm. Tới chỗ kia gặp Lê-Lợi đang cuốc đất làm rẫy, Nguyễn vùng kêu là anh, chào mừng nói là bà-con anh em con chú con bác. Ở đó hăm hút với nhau. Nguyễn ở nhà vỡ đất trồng-trắc gặp được cái lưỡi gươm, còn Lê-Lợi đi chài dưới hồ Hoàn-gươm lại được cái cán, đem về. Nói chuyện với nhau, đem ra rửa lấp lại vừa khít, mà lại là vàng cả. Nguyễn nói diễm làm vua chắc. Lo rèn khi-giải, lập binh. Động lại dắc nhau chạy. Tới nơi kia cũng cứ làm rẫy nuôi nhau ; Lê-Lợi ra đi bụi cắc-có ngồi trên hai gò mối. Sóng rồi thấy dơ, mới lấy chơn đạp gò mối mà lấp đi, chẳng ngờ được một cục gì nặng vuông-vuông, cầm đem về cho Nguyễn. Nguyễn rửa ra coi thì là cái ấn ngọc. Nguyễn mới chắc ý thì trời đã tới, mới giục Lê-Lợi ra khi nghỉ mà đánh Minh.

Tối mắc quân lãnh-sự mời ăn cơm, nên liên đường đi chơi, rồi về lãnh-sự ăn cơm. Cuối canh hai mới về nhà trọ mà ngủ.

Đức-thầy Phước (Mgr. Puginier) thật đã có lòng; cầm ông sáu Thìn với thầy ba Hón lại ở đó nói chuyện mà chờ khuya lơ khuya lác. Té ra qua sáng bữa sau mới đi thăm đức thầy được. Người mừng rỡ, hỏi thăm hỏi lom đủ. Rồi cầm ở lại dùng cơm với người, có cố Mĩ (P. Landais) là thầy chính ở sở Hà-nội và cố Phước (P. Bonfils) là ký-lục người đồng bàn trò chuyện vui-vẻ lắm. Xế qua mới từ-tạ các đảng mà về nhà Công-ty cũng ở một dãy đó. Mới bán với nhau kêu thợ may mền lót bông, áo quần đổi bông kéo trời đông-thiên lạnh-lẻo lắm.

Bữa sau mồng 10 tháng giêng, còn lần quần coi những đồ đặt làm ngày chưa ra, và mua đồ vật, lựa hàng, đũi mau-tur (Hưng-yên).

Hiệu Huỳnh-lục-Ký là chủ hãng Quảng-dông giàu, gọi thiệp mời đi uống rượu với ông Hương-công Tối về, lại hầu đức thầy. Sáng ra chúa-nhứt xem lễ tại nhà đức thầy. Rồi về nhà trọ nghỉ. Đức thầy mới cho cố Mĩ tới thăm thay-vì người vì không phép người đi tới nhà chệc-khách mà đi thăm lại.

Giờ thứ nhứt chiều đang nghỉ trưa, vùng có người vào báo rằng: quan tong-đốc Hà-nội Trần-đình-Túc ở trong thành ra, đi tiền hô hậu hủng (củng), tới tại nhà Công-ty tìm mà thăm.

Bịt khăn mặc áo tiêm-tắt ra rước người vô. Ngồi nói chuyện với người cho tới giờ thứ 3, người mới về thành. Ông tong-đốc này là người trong Quảng, con nhà trăm-anh, làm quan đã nhiều đời, đầu cũng bảy tám đời. Người đã lớn tuổi ngoài 70, mà còn sỏi lắm. Tối lại đi lại hầu đức thầy.

Rạng mặt 13 cho ông sáu Thìn đi mua đồ vật: rương chữ thọ mà đựng đồ; sách-vở giấy mực, đồ cần... Chiều lại, giờ thứ 3 rưỡi, mới đi vô thành mà trả lễ cho quan thượng. Có gặp quan bố tới hầu đó nữa. Tối về, Công-ty đãi tiệc rượu có nhà-trò một bữa. Khi ấy thầy ba Hón đã xin tách ra đi về tỉnh Bắc (Bắc-ninh) thăm bà con đi rồi, còn lại có một ông lão Sáu.

Mấy bữa 14, 15, 16, quan thượng mời vô thành ăn cơm với người, rồi cho một ông đội hầu đem đi dạo coi các nơi chơi.

ĐỀN KINH THIÊN

Trước hết vô hoàng-thành cũ. Lọt khỏi Ngũ-môn-lâu, lên đến Kinh-thiên. Đền ấy nền cao lắm, có 9 bậc xây đá Thanh, hai bên có hai con rồng cũng đá lộn đầu xuống, Cột đền lớn trót ồm, tinh những là go liêm cã. Ngó ra đằng sau còn thấy một hai cung-điện cũ cho vua Lê ở thuở xưa, bây giờ hư-tệ còn tích lại đó mà thôi.

CỘT CỜ

Ra ngoài cửa Ngũ-môn-lâu, thẳng ra cửa Nam, có cột cờ cao quá xây bằng gạch, có thang khu ốc trong ruột nó mà lên tới

tren chót-vót. Leo lên thoi dà mỗi chơn mỗi cẳng. Ra tại chuồng cu đứng ngó mông, thấy núi-non xa gần, nhắm nhìn chót núi Tán-viên. Không dám ngó xuống, vì ngợp lam. Một bận đi xuống cũng hết hơi.

ĐỀN CÔNG

Đi lại cửa tây ra ngoài thành đi coi đền công. Chỗ ấy huyền-vũ có cây cao lớn sum-sê re nó xỏ xà leo với nhau như rế, mát-mẽ, im-rợp quá.

ÔNG THÁNH ĐỒNG ĐEN

Ra cửa ô Bưởi đi coi chùa Trần-võ-quan, tục kêu là ông thánh đồng đen, ở một bên mép hồ Tây. Tượng ấy là tượng ngồi cao lên tới nóc chùa, đúc bằng đồng đen cả. Tóc quần như đầu Phật; mặt cũng tựa-tựa; còn từ cổ sắp xuống thì ra như hình ông thánh Phao-lô, một tay chống lên trên cán cây gươm chỉ mũi lên trên mu còn rùa, một tay thì ngay ngón trở mà chỉ lên trời, chơn thì đi dép, có chữ đề mà đã mòn đã lu đi coi không ra.

CHÙA MỘT CỘT

Coi rồi mới ra đi đến xem chùa một cột, là cái miếu cất lên trên đầu cây cột đá lớn trồng giữa ao hồ.

Nguyên tích ai thiết-lập ra thì người ta nói mờ-ơ, không biết lấy đầu làm chắc cho mấy. Cứ sách sử-ký và Đại-nam nhất thống chí, thì chùa ông thánh đồng đen kêu là Trần-võ-quan-tự, ở về huyện Vĩnh-thuận, phường Đoan-chương đời nhà Lê, năm Vĩnh-trị năm Chánh-hòa, vua Hi-tông (1675) sửa lại đúc tượng đồng đen cao 8 thước 2 tấc. nặng 6600 cân, tay hữu chống trên cây gươm, chỉ mũi trên lưng con rùa, có rắng vắn doanh theo vỏ gươm. Trong sử nói đời Thục vua An-đương-vương bị tinh gà-ác và phục quỷ núi Thất-diệu, mà nhờ có thần hiện trên núi Xuân-lôi thuộc về tỉnh Bắc-ninh trừ ma phá quỷ hết đi, thì vua dạy lập miếu phía bên bắc thành vua mà thờ là thần, đặt hiệu là Trần-thiên-chấn-võ-đế-quân.

Thuở Minh-mạng năm thứ 2 vua ngự ra Bắc có ban 50 lượng bạc, lại một cái áo võ tư vàng.

Năm Thiệu-trị thứ 2, vua ngự có ban tiền vàng 1 đồng, áo vàng 1 cái, 1 bài thơ, và một đôi liễn nữa.

Còn chùa một cột, thì cũng ở hạt huyện Vĩnh-thuận, làng Thanh-bửu, ở giữa cái hồ vuông, có trụ đá cao trót trượng, yền-viên chừng 9 thước, trên đầu có cái miếu ngồi chổng lên, như cái hoa sen ở dưới nước ngóc lên. Sử chép rằng: Thuở xưa vua Lý-thái-tông năm chiêm bao thấy Phật Quan-âm ngồi tòa sen đặc vua lên đài. Tỉnh dậy học lại với quần-thần, sợ điềm có xấu có hệ

chi chẳng. Thì thầy chùa thầy sãi tâu xin lập ra cái chùa thế ấy, dâng cho các thầy tụng kinh mà cầu diên-thọ cho vua, thì vua cho và dạy lập ra.

Qua đời vua Lý-nhân-Tông sửa lại, bồi-bổ, lập tháp, đào ao, xây thành, làm cầu, tế-tự, lễ tháng tư mồng 8 vua ngự ra đó kì yên. Lại đúc chuông, mà đúc rồi, chuông đánh không được kêu, nên bỏ ra ngoài Qui-diền. Đời vua Lê-thái-Tổ đánh giặc với quan nhà Minh, vây trong thành Đông-quan binh-khí hết đi, nên quan Minh lấy mà đúc súng, đúc đạn đi.

HỒ TÂY

Cái hồ tây ở tại huyện Vĩnh-thuận, phía tây thành Hà-nội; kẻ châu-vi nó được 20 dặm, nước sâu từ 1 thước cho đến một trượng; thuở xưa tên nó kêu là Lăng-bạc, Nước nó trong ve trong vắt như mặt kính vậy. Thường người ta phiêu hàng lụa thì điều dùng nước hồ ấy mà làm. Tục ngoài ấy hay nói: *Làm người phải cho có ý; người nào mang bị là người Tây-hồ; mang bị là mang hàng lụa đi đến đó mà giặt mà xả.*

Đời xưa các vua, có làm cung điện mà chơi đó. Như đời vua Lý-nhân-Tông ngự thuyền nhỏ đi chơi, mà bị Lê-văn-Thạch làm thuật hóa cọp mà nhát, nhờ Mục-thận vãi chài chụp được... Vua Trần-dũ-Tông, khi còn nhỏ đi dạo thuyền té dưới hồ Tây, nhờ có thầy Trâu-Canh cứu được cho khỏi chết. Vân-vân.

Người ta truyền miệng rằng: có con kim-ngưu ở núi Lăng-kha chạy nhủi dưới hồ ấy. Rốt đời Cảnh-hưng, nước hồ nó đổi sắc đi, lại nói bên phía đông hồ thường đêm có thấy một con trâu ăn cỏ đó, mà hễ người ta lại gần thì nó hụp xuống hồ mất đi. Cách ít lâu sau, mưa đông sấm chớp luôn cả một đêm, sáng ra thấy dấu trâu ở trong hồ ra mà sang qua sông Nhĩ-hà. Sau tiết đi không thấy nữa. Xung-quanh mép hồ nhà dân-sự ở đông. Đã nên là một kiếng sơn-thủy quá vui quá đẹp; phải mà sửa-soạn bồi-bổ cho hân-hoài, thì lại càng ra xinh ra đẹp hơn nữa bọn phần.

VĂN-THÁNH-MIẾU

Đó rồi đi coi Văn-thánh-Miếu ở tại phía tây nam tỉnh-thành, tại huyện Thọ-xương, làng Minh-giám, là cho thuở đời nhà Lý vua Thánh-Tông đi tế tượng thánh Khổng-Tử, và 4 vị á thánh, lại 72 sĩ-hiền. Sau miếu hai bên tả hữu có bia tấn-sĩ tạc đá xanh, dựng lưng qui sắp hàng. từ đời kia qua đời nọ nhiều lắm. Đời nhà Trần, nhà Lê cũng nhân đó mà làm luôn. Đời Gia-Long có lập thêm cái khuê-văn-các trong cửa Nghi-môn.

Coi rồi lại lộn về cửa nam, vô coi tàu voi, rồi trở về nhà trọ nghỉ. Tối lại hầu đức-thầy.

Rằm quan thượng trong tỉnh cho mời vô thì cơm với người. Người cho đi bán cò chim về uống rượu, lại hối bà lớn và các cô làm mắm rươi hai ba thứ cho mà ăn thử với thịt kéo chưa biết.

Người ham hỏi chuyện và nói chuyện lắm, cả ngày coi sách coi vở luôn-luôn. Người ăn-học lịch-lãm đã nên là có công. Hầu quan-lớn một buổi, từ-giã người ra về Phố-mới. Mua đồ sửa-soạn sắp-dặt cho sẵn; trả tiền trả bạc đồ mua đồ dặt cho xong đi. Tối cũng lại hầu chuyện đức-thầy Phước.

Kể lấy được thơ thầy ba Hớn ở Bắc-ninh mời qua một bữa chơi cho biết xứ. Thì đã lo vòng-dá dặng sáng bửng-tưng ra có đi. Ai ngờ mới mờ-mờ đất, trong thành quan thượng cho ra mời vô, vì có ông đại-thần dưới Hải-dương lên; nên đi không dặng, phải cho ông sáu Thìn thế-hành lên cang tuốt qua Bắc-ninh với thầy ba kéo trông.

Vừa dẫu thấy quân-gia kéo đổ đường vô thành; ấy là quan đại nhập thành. Ở trong thành thăm các quan cho đến trưa mới về được. Xế lại đi xuống trường-thị thăm các quan Lang-sa; về nai-nịt đồ-dặt tỉnh có lo lộn xuống Hải-dương về Hải-phòng mà về Gia-định.

Bữa sau 17 tháng giêng trưa ông sáu Thìn với thầy ba Hớn ở tỉnh Bắc-ninh mới về. Bàn với nhau sự về bữa 19. Vậy nhứt diện kiểm-điểm đồ-lễ, nhứt diện đi thăm viếng từ-tạ các quan tây nam cả. Về nhà Công-ty dãi đưa chơn một bữa Chiều lại vô quan thượng từ-tạ mà về người có cho 1 ông đội với 6 tên lính đi theo đưa xuống tỉnh người Đòng.

Rạng mặt 19, đi từ-giã đức-thầy, các cố, các cụ. Giờ thứ 8 xuống thuyền qua sông Bồ-đề vô ngã sông Giàu, xuống Lục-đầu-Giang, sông Thiên-đức. Giờ thứ 4 rưỡi chiều ngày 20 tới tỉnh Hải-dương. Đi ngã ấy có qua cái thác. Tức cười cái mụ dò! Ai nẩy lên bờ đi bộ bớt cho nhẹ thuyền: mình với thầy ba Hớn ở lại để coi nó xuống thác thế nào cho biết. Thấy nước chảy thật nên gồm! Thuyền gần tới thác, mụ dò thấp nhang, đốt giấy vàng bạc, vái lớn tiếng cách nghiêm-trang tề-chỉnh. Rồi hai mẹ con ôm chèo kèm lái cho vững đề nước tống chiếc thuyền chạy trượt xuống một cái gọn-gàng.

Thuyền tới tỉnh đậu lại tại bến Hồ. Sáng ra mới lên thành vào quan đại từ giã các quan, xin lui về Hải-phòng. Ở đó cả ngày 21, tối các quan cầm ngủ trong thành, tiễn nhà trò một bữa vui lắm tại nhà học có đủ mặt các quan.

Đấy rồi ta xuống Hải-phòng. Mà ta đề đình việc đi một lát, mà nói về tỉnh Hà-nội và Hải-dương, là hai tỉnh ta đã đi qua cho biết hình-tích địa-thể nó ra làm sao mà nghe mà chơi đã, rồi sẽ nói về chuyện đi đứng các chỗ khác.

TỈNH HÀ-NỘI

Tỉnh Hà-nội từ Đ. qua T. 25 dặm, từ N. qua B. 129 dặm (1).

GIÁP GIẢI

Đ. chạy tới mép sông Nhĩ-hà, bên kia về tỉnh Bắc-ninh.

T. giáp giải tỉnh Sơn-tây.

N. chạy tới sông Thanh-khuyết, ngang tỉnh Ninh-bình.

B. chạy tới bờ sông Nhĩ-hà, ngang địa-phận tỉnh Bắc-ninh.

Từ tỉnh-thành lấy vô tới kinh-dô (Huế), kẻ được 1104 dặm.

DANH TÍCH

Tỉnh này nguyên thuở đầu đời Hùng-vương là bộ Giao-chỉ.

Đời Tần là nước vua An-duyên-vương.

Đời nhà Hán, nhà Tùy là bộ Giao-chỉ.

— Đường là An-nam đô-hộ-phủ ; đời ấy mới xây Đại-la-thành.

— Đinh phân làm đạo.

— Tiền Lê phân làm Lộ.

— Lý lập đô-thành tại đó kêu là Nam-kinh, lại vì vua Lý-thái-Tổ thấy rồng doanh thuyền ngự, nên đặt tên là Thăng-long-thành.

— Trần đổi tên kêu là *Trung-kinh*.

— Minh choàn lấy mà trị thì kêu là *Đông-quan-thành*.

— hậu Lê kêu là *đông-kinh* rồi kêu *Trung-dô* ; sau từ Lê thuận-Tông lại kêu là *Đông-dô*, đổi với Tây-dô là Thanh-hóa.

— Nguy Tây-sơn kêu là *Bắc-thành*.

— Gia-long, làm ra trấn, phân đất bắc ra làm *Năm trấn* trong là *Sơn-nam-thượng*, *Sơn-nam-hạ*, *Sơn-tây*, *Kinh-bắc*, *Hai-duyên* ; Còn *Tuyên-quang*, *Hưng-hóa*, *Cao-bằng*, *Lạng-sơn*, *Thái-nguyên*, *Quang-yên*, sáu trấn kêu là *Sáu-trấn ngoài*, vì có Nùng ở xen.

— Minh-mạng năm thứ 12 cải làm ra *lĩnh* ; năm thứ 15 cải kêu 13 tỉnh đất bắc là *Bắc-kỳ*.

— Tự-đức năm thứ 5, mới phân tỉnh ra.

(1) Đ = là đông. T = là tây. N = là nam. B = là bắc.

TỈNH HÀ-NỘI

Có 4 phủ, 15 huyện

1° Hoài-đức phủ, Đ T 19 dặm, N B 40 dặm.

Đời Lê thì kêu là Phụng-thiên phủ

— Hán — Lang-biên huyện,

— Tống — Tống-bình huyện,

Sau gọi lại Tống-bình-quận.

Lúc thuộc Minh là Đông-quan huyện. Lê sau kêu là Vĩnh-xương.

Đời Minh-mạng năm thứ 2, lãnh 8 tổng, 115 thôn, phường.

Phủ này chia ra làm 2 huyện.

1° Vĩnh-thuận huyện, 5 tổng, 40 thôn, phường, trại

2° Từ-liêm huyện, 13 tổng, 82 xã, trang, thôn, sở.

2° Thường-tín-phủ. Đ T. 20 dặm, N B. 54 dặm. Thành đất, châu-vi 203 trượng, 2 thước; cao 7 thước 2 tấc; hào rộng 3 trượng, cửa 3 cái.

Đời Hán về Giao-chỉ quận; đời Trần sắp về trước thì là châu Thượng-phước. Minh thì là châu Phước-an; hậu Lê kêu là Thường-tín. Minh-mạng năm thứ 12, cho lãnh 3 huyện:

1° Thượng-phước-huyện, 12 tổng, 82 xã, thôn.

2° Thanh-tri-huyện, 12 tổng, 100 xã, thôn, phường, châu.

3° Phú-xuyên-huyện, 11 tổng, 84 xã, thôn.

3° Ứng-hòa-phủ Đ T. 74 dặm. N B. 83 dặm. Thành đất, châu-vi 271 trượng, 2 thước, cao 7 thước 2 tấc; hào rộng 2 trượng, 2 thước. 3 cửa.

Đời Hán thuộc Giao-chỉ; đời nhà Lý làm ra Ứng-thiên-phủ; Minh cải là Ứng-bình. Tự-đức năm thứ 5 cho lãnh 4 huyện:

1° Sơn-minh-huyện, 8 tổng, 75 xã, thôn.

2° Hoài-an-huyện 4 tổng. 50 xã, thôn, phường, sở.

3° Chương-đức-huyện 9 tổng, 69 xã, thôn, trại, sở.

4° Thanh-oai-huyện 12 tổng, 93 xã, thôn.

4° Lý-nhơn-phủ, Đ T. cự 56 dặm, N B. 77 dặm. Thành đất rộng 329 trượng, cao 7 thước 2 tấc, hào rộng 5 trượng, có 3 cửa.

Đời Hán thuộc về quận Giao-chỉ, đời nhà Trần sắp về trước là châu Lợi-nhơn, Minh là phủ Giao-châu; Tự-đức năm thứ 5 cho lãnh 5 huyện:

1° Kim-bảng-huyện 6 tổng, 57 xã, thôn, trang, sở.

2° Duy-tiên-huyện, 6 tổng, 60 xã, thôn, trang.

3° Thanh-liêm-huyện, 8 tổng, 63 xã, thôn, trang.

4° Nam-xang-huyện, 9 tổng, 86 xã, thôn.

5° Bình-lục-huyện, 4 tổng, 37 xã, thôn.

(*Thỏ-sản phủ Lý-nhân ca*)

Nam-xang nước lụt lằm ốc nhồi, (lỗi).

Kim-bảng lươn bung mới dạo sôi,

Thanh-liêm bồm-bẻm nhai trầu quạch.

Bình-lục phì-phào hút thuốc hôi.

Duy-tiên thịt thúy ba chiều chợ.

HÌNH-THỂ

Hình-thể tỉnh Hà-nội tốt lắm. Nó ở chính giữa các tỉnh Bắc-kỳ. Phía T, phía N có núi-non che án ; đất bằng đai rộng ; bên tả có sông Nhĩ-hà đoanh quanh ; bên hữu có sông Hạc-giang chảy. Tỉnh ấy đã hơn tám trăm năm là đất cừu để-đô.

KHÍ-HẦU

Tháng giêng mùa xuân pháy-pháy gió đông thổi, trời rét (lạnh). Tháng 2 tháng 3 dịu bớt ; tháng 4 tháng 5 thường nắng. Từ tiểu-mãn sắp về sau, sông Nhĩ-hà nổi nước ; ban đầu mưa nhiều to đám, sau nước dầy lên hoài lằm nên lụt ; lúc ấy lo giữ bờ đề bờ quai nhặt lằm.

Thượng tuần tháng 7, mồng 3, mồng 7, mồng 8, mỗi bữa thường có mưa lớn, tục kêu là mưa *ngân* (vì sao *chức-nữ* qua sông Ngân-hà về với sao *Kiên-ngư*).

Tháng 9 mồng 9 có mưa thì được mùa, không mưa thì mất mùa.

Có lời ngạn ngữ rằng : *Mồng 9 tháng 9 có mưa, thì con đi sớm về trưa mặc lòng ; Mồng 9 tháng 9 không mưa, thì con bán cả cây bừa con ăn.*

Mùa đông rét lạnh, lại có thử sương tục kêu là *sương-muối*, hay hại cỏ cây lằm, rét buốt da tay chơn, như kim châm.

Câu ví gió đông rằng : *gió đông non chui vào đụn rạ ; sống là họa, chết đã cầm tay.* Nói về thẳng đều hoang, không còn có chi mà che thân mà cứ rét, vì ; *quay đất nó đã quấy anh ; quần áo cổ hết một manh chũ còn.*

Đại-đề nó là mùa xuân mùa đông thì lạnh nhiều ; mà mùa hè mùa thu thì mưa già. Ruộng sâu thì đông cấy, hè gặt. Từ tháng giêng cho tới tháng 8, để tằm được.

PHONG-TỤC

Trong tứ dân đều chuyên nghề cấy, mà nông thì bội hơn. Chốn thiềng-thị thì công thương tụ, có lộn Ngô-khách. Đàn-ông

con trai hay ngồi quán ngồi lều trà rượu ăn chơi, còn việc cấy cấy thì nhờ đờn bà con gái làm.

Đờn-ông ăn-mặc cũng thường, điều áo vắn tới đầu gối, đầu hay đội nón ngựa, bịt khăn đen.

Đờn-bà mặc áo có thắt lưng làm biau (bọc), yếm đỏ, không gài nút nịt, nút vai thả không ra mà-thôi. đầu đội nón giầu (ba tầm), lờn gần bằng cái nĩa, hai bên có hai quai tui vắn toòng-teng, đầu vắn ngang, lấy lượt nhiều vắn tóc mà khoanh vắn theo đầu. (Có một làng Kẽ-lỏi có đàn-bà bới tóc) ; Dưới mặc váy, chơn đi dép sơn ; nước da mịn-màng trắng-trẻo, má hồng, da ửng, gót son, phốp pháp người ; răng nhuộm đen cánh gián.

Thói trật áo thắt lưng là nhờn bởi trời đông-thiên rét-lạnh ; đờn-bà có con, cho bú một lần phải mở nhiều áo khó lòng, nên đe luôn như vậy. Còn thắt lưng thì cũng là vì lạnh ; con gái thấy vậy cũng bắt chước làm theo, mùa nào mùa nấy cũng đe luôn như vậy mà thành tục.

Ngày tư ngày tết, hay đờn thần quải tổ, mở tiệc ăn-chơi, hát-xướng, phụ tiên kỳ thần. Việc tang-tế hay làm trọng-thề xa-xỉ quá. Nên Tàu có lời rằng : *Sanh ư Quảng-dông, tử tại Hà-nội, gia-quan ư Triều-tuyền.*

NHÀ-TRÒ

Khi đám-tiệc, hội-hữu, hôn-tế, kỳ-yên, chạp-miêu, thường hay dựng nhà-trò. Nhà-trò là con gái đương xuân-sắc chuyên-tập nghề ca-xướng, tục kêu là *có-đào*. Có đám tiệc, thì người ta rước tới hát, thường hát theo ca-trù, giặm Túy-Kiều, câu hát, thơ phú, hoặc ke truyện. Hát cũng khi ngồi khi đứng, tay nhịp sanh, miệng hát nhiều cung bậc giọng thấp giọng cao ngân-nga hay và êm tay lắm ; có chủ kếp ngồi một bên gảy (khảy) cái đờn đáy, lại có người đánh trống nhỏ cầm châu. Có khi lại đứng bắt bộ và múa và hát. Có khách thì chủ đám lại bắt phải quỳnh-tương rượu. Tay bâng chén rượu, miệng hát câu chi, hoặc tình-ái, hoặc nhân-ngãi, đề mời cho khách uống đi. (Câu hát là giọng *quỳnh*, chén rượu là chén *quỳnh-tương*), tích chén nước Văn-anh đem đưa cho Bùi-hàn uống... Giọng nhà-trò thường là những giọng sau này : *mâu-dựng, Thiết nhạc, ngâm vọng, ti-bà, tất-phản, hát nói, gỏi thơ, huỳnh, hãm, cung bắc, cửa quyền, non-mai, nường-hạnh, chữ-khi, thơ, thông, vắn vắn...*

Tục hay nói : *gái tháng 2, giai (trai) tháng 8*, nghĩa là thường tháng 2 làng tổng có làm đám hội, thì gái tranh sắc ; tháng 8 làm cỗ nhắm thì trai tranh tài.

HỘI

Làm hội là làng kì yên, rước đưa thần bụt. Viên-quan chức-sắc thì lưng-đai bồ-tử, đầu đội mũ tú-tài, chon đi hia; có một ông chánh đám; chánh tế thì đội mũ trái-bí, cổ đeo choàng vai xuống nách thứ tràng-mạng, (là chuỗi hạt hương thơm), đi có cờ-xí, cờ-tướng, cờ đuôi nheo, cờ linh-tiên, kiệu song loan, đồ lộ-bộ, tàn-lọng; đi oó hàng-lốp thứ-tự; ai ai cũng có cầm quạt che mặt. Còn quân đài-đệ thì đội mũo cắt heo, đóng khố nữ thêu, mình ở trần, tay cầm khăn đỏ. Trai tơ gái lứa chung đồ tử-tế, đồ nhứt ra nhổng-nheo đi coi hội,

HÁT ĐÚM

giùm ba giùm bảy từ chòm từ khóm bát đúm, là hát hoa-tình ghẹo-chọc đối nhau.

Thường mùa hội, ngoài quán trong lều hay đánh quay-đất (bong), thò-lò (bong vụ), xóc đĩa (chắn lẻ), dôi mỏ (dôi sắp-ngựa).

Đám lớn lại có đứng tương, là làm chỗ đài cao trống, chọn một người, hoặc con-gái, hoặc đờn bà có bóng sắc ngồi đó có năm ba con thề nữ hầu. Khi hội rình-rang đi, thì người-ta tin có thần có ma bắt cái người cầm cờ tự-nhiên riu-riu lại cho đó vẫy cờ xung quanh, chỉ là trong làng có người thịnh-sắc thần yên, thần vì lấy làm kiết tường chi triệu (điềm lành, tốt).

CỔ NHẮM

Tiết tháng 8 tục có làm cổ nhắu tại đình, cũng tế thần kì yên. Đua nhau dọn cỗ, một cỗ tế rồi ngồi ăn cùng nhau, còn một cỗ mâm án-thư chõng đơm lên nhiều từng, lấy mía róc vằn giấy đỏ làm đồ kê mà chung có từng, trên có làm con phụng, con long, con lân, con quỳ đứng đầu mâm, đề tối chia nhau, biu-xén nhau. Dịp ấy thường coi hát nhà-trò, đánh gậy (đánh quờn, nghề võ), vật, múa rối cạn (hát hình), múa rối nước, leo dây, bài điểm, cờ người, nấu cơm thi, dẹt cử thi, bắt chạch, tạc tượng (đục (giục) tượng), thầy đều có ăn cuộc ăn dãi cả.

Nấu cơm thi là phải nấu thi coi thử ai chín trước, và khéo khoi cháy khỏi khê khỏi khét. Người ta đưa cho ít cái dóm với bã mía hay là rơm, thấp cầm hơi dít nồi mà nấu.

Còn dẹt cử thi làm sàn ra ngoài ao vừa để cái không cử, ả-chức ra đó lên ngồi dẹt, dăm thoi bắt thoi cho liền cho lẹ, nếu trật thoi văng rớt xuống ao thì thua.

Bắt chạch là một trai một gái tay choàng cổ ôm nhau, tay kia thò vô chum sâu có thả con chạch, ai bắt được thì ăn dãi.

Tạc tượng là bắt một cỗ đào nhan-sắc có duyên đẹp-đẽ mặc

áo lượt thừa rêu, quần lãnh buổi có ngời ngời ra tại giữa giàn làm trên ao hồ. Trai lãnh chàng đục, đóng khố giấy ra đó, làm bộ đồ chạm, hề giữ không được thì tâm hoa động, dương vật dậy rách khố mất ăn; khi ấy đâm đầu xuống ao lặn đi dờ xấu. Ấy ít lời về phong-tục sơ-lược cho biết qua vậy.

THÀNH TRỊ

Thành Hà-nội châu-vi 432 trượng, cao 1 trượng, 1 thước 2 tấc, hào rộng 9 trượng; có 5 cửa, ở tại Thọ-xương, Vĩnh-thuận hai huyện. Từ Lê sắp về trước các vua đóng đô tại đó, cũng có kêu là Phụng-thiên-Thành, ở trong thành Đại-la; mà lâu đời đã hư đi. Kể lấy nguy Tây-sơn tới choán lấy mới cứ nền cũ, mới bắt từ cửa Đông-hoa tới cửa Đại-hùng mà xây thành lên.

Đời Gia-long nhơn vì cửa là cửa nguy Tây sơn làm ra, nên không ưng hèn cải tu; Gia-long năm thứ 4 xây thành lại.

Trong nội có hành-cung chánh-diện, 2 tòa có tả vu hữu vu; mặt sau có 3 tòa điện, hai bên có tả vu hữu vu. Sau điện có Tịnh-bắc-lâu; bốn bề có xây thành gạch; trước chánh-diện (là Kinh-thiên điện); sân xây đá Thanh, có cấp đá rồng lộn 9 cấp mà lên điện. Ra ngoài có ngũ-môn lâu, đề chữ *Đoan-môn* đời nhà Lý đề tích lại. Ngoài nữa ngay cửa nam có cột cờ xây đá gạch, trong ruột xây khu ốc lên thang tới trên chót-vót.

Minh-mạng năm thứ 16, thấy thành cao quá bớt xuống 1 thước 8 tấc.

Thuở xưa còn đồ-thành thì có 36 cửa ở phường-phố, đời nay ra tỉnh thành, phía Đ N có 21 đường phố tỉnh nhà ngôi cả;

- 1° Hàng buồm, Ngõ-khách bán sách-vở, đồ tàu, thuốc bắc.
- 2° Quảng-đông, Minh-Hương Khách-hộ ở.
- 3° Hàng-mã, bán mình y mình khí
- 4° Hàng-mâm.
- 5° Báo-thiên-phố, bán vải đen vải xanh.
- 6° Phố-nam hay là Hàng-bè, gần đó có chợ hòm, hai bên dân làm thùng cây, thùng tre.
- 7° Phố hàng-bồ.
- 8° Hàng bạc.
- 9° Hàng giày, hia.
- 10° Hàng-mây-choại.
- 11° Đồng lạc phố.
- 12° Thái cực phố. (Phố Hàng đào).
- 13° Đồng hà phố (hàng hát).
- 14° Phước-kiến-phố, bán đồ đồng, đồ thiếc.
- 15° Phố hàng muối.

- 16° Đồng-xuân-phố.
- 17° Thanh-hà phố.
- 18° Hàng gai.
- 19° Hà-bao phố.
- 20° Hàng-trà.
- 21° Quảng-minh-dinh phố.

CHỢ

Chợ-búa nội cả tỉnh cũng nhiều lắm. Mà chợ lớn có tiếng và đủ đồ hơn hết tại Bắc-kỳ, thì là những chợ kể trong câu ví này : *Xứ Nam là chợ Bằng Vôi ; xứ bắc Giầu, Khảm, xứ Đoài Xuân-canh* ; nghĩa là tỉnh Hà-nội, Hưng-yên, Ninh-bình, Nam-dịnh là phía nam, thì có chợ Bằng, chợ Vôi có tiếng hơn hết. Còn bắc là Bắc-ninh, thì có chợ Giầu, chợ Khảm ; xứ đoài là trên Sơn-tây thì là chợ Thâm-xuân-canh.

CẦU

Cầu đất bắc hay làm cầu đá, cầu gạch, cầu gỗ, lại hay làm cầu lợp ngói ; chùa đình cũng nhiều lắm lắm. Mà muốn biết đâu hơn đâu thì lấy trong câu này : *Cầu Nam, chùa Bắc, đình Đoài*, nghĩa là cầu tốt hơn thì là tại trong các tỉnh nam ; còn chùa-chiền lớn cột cao nóc, khéo tốt thì tại xứ Bắc-ninh ; đình làng, đình chợ mà làm kĩ tốt, thì trên miệt xứ Đoài.

Về đồ ăn có tiếng ngon hơn, như trong Nam-Kỳ kêu chiếu Cà-mau, thuốc Gò-vấp, rượu Gò-cát Vân-vân..., thì ngoài Bắc-Kỳ có cái ca như-vậy : *Dưa La, cà Láng, nem Báng, gỏi Bần, nước mắm Vạn vân, cá-rô Đầm-sét*. (chỉ tên xứ : kẻ La, kẻ Láng, kẻ Báng, kẻ Bần, Vạn-vân, kẻ Đầm-sét).

Cơm Văn-giáp, táp (thịt tái) *cầu Giễn, chè quán Tiên, tiền Thanh, Nghệ*.

Cơm quán dọn tử-tế thì là tại quán làng Văn-giáp đường lên tỉnh Hà-nội, vào Cửa ô Đồng-lầm ; còn thịt tái thịt thầu ngon có tiếng thì là tại quán Cầu-giễn ; chè-cháo nấu ngon thì là tại quán Tiên cũng tại đường lên Hà-nội ; tiền xe-gánh ra nhiều thì là phường buôn ở trong Thanh trong Nghệ đem ra.

THỜ-SẢN ĐẤT HÀ-NỘI

Lúa : lúa dê (duy), lúa thông, lúa dự, lúa lem bông, lúa trĩ, lúa hương, lúa thầy đường, lúa bạch-canh.

Nếp : nếp bông vàng, nếp răng ngựa, nếp ruộng, nếp cau, nếp trái vải, nếp đuôi chồn, nếp ngọc-thực...

Tơ, bông cán. hàng đoạn bông (phường Thọ-xương, Kiên-liên dệt), trừu bông (Từ-liêm). hàng lượt, lãnh bông, lượt bùng, the rây. lụa bông, lụa trắng. thao, vải trắng, the lân, xuyên, láng gốc...

Giấy hội (giấy viết sắc), các thứ giấy bắc, quạt trúc. nón nan ; ngói, gạch. nôi đất (đồ gốm) ; trà, muối diêm, mật ui. đường hạ ; vôi đá ; bánh phục-linh, trôi nước, xôi bông đường, bánh mì khoai. rượu trắng ; khoai lang mộng, khoai sấp, khoai mài, khoai tím. khoai ngọt ; củ sắn, củ đậu, củ nân, củ huỳnh-tinh ; xoài, mít, nhãn, hồng thơm, hồng đỏ ..

Gỗ mít, gỗ thị. gỗ thông, gỗ bông, gỗ liễu Tre, tre gai, tre lớn, tre ve, v.-v.

HỘ-KHÂU

Đời Minh-mạng số dân đình được 52335 tên ; nay (Tự đức) 60257 tên.

ĐIỀN PHÚ

Ruộng 393066 mẫu ; lấy thuế, lúa 245650 đấu, tiền 20775 quan, bạc 1276 lượng.

Tỉnh Hà-nội đã nói qua rồi, bây-giờ xuống tỉnh Hải-dương cũng phải nói ít lời cho biết xứ.

TỈNH HẢI-DƯƠNG

Địa-hạt tỉnh Đ. T. cự 132 dặm, N. B. 100 dặm :

Đ. đến tỉnh Quảng-yên, giáp An-hưng huyện.

T. tới tỉnh Bắc-ninh, huyện Văn-giang.

N. tới tỉnh Nam-dịnh, huyện Quỳnh-khôi.

B. tới tỉnh Bắc-ninh, huyện Quế-dương và Phụng-nhân.

Từ tỉnh vô cho tới kinh (Huế) 1097 dặm.

Đời Hùng-vương là bộ Dương-Tuyên ; đời Hán thì về quận Giao-chỉ ; đời Trần là lộ Hạc lộ. rồi đặt lại Hải-đông lộ. sau làm ra phủ Hồng-châu, Nam-sách ; đời Minh choán thì làm ra 2 huyện là Lạng-giang và Tân-an ; đời Lê năm Thuận-thiên thì kêu là Đông-đạo, năm Diên-ninh thì kêu là lộ Nam-sách-thượng, Nam-sách-hạ ; năm Hồng-đức kêu là Hải-dương, sau bị họ Mạc choán ; Gia-long năm thứ 12 đặt là Hải-dương-tỉnh.

Chia ra làm 5 phủ, 19 huyện.

- 1° Bình-giang phủ, 4 huyện; thành châu-vi 208 trượng, cao 7 thước, 2 tắc, có hào, 3 cửa.
 - 1° Cầm-giang huyện, 14 tổng, 85 xã, thôn.
 - 2° Đường-an-huyện, 10 tổng, 66 xã, thôn.
 - 3° Đường-hào-huyện, 9 tổng, 79 xã, thôn, phường, giáp.
 - 4° Thanh-miến, 8 tổng, 61 xã, thôn.
- 2° Ninh-giang phủ, 4 huyện: thành đất châu-vi 171 trượng 6 thước, cao 7 thước, 2 tắc, có hào, có 3 cửa.
 - 1° Vĩnh-lại-huyện, 8 tổng, 81 xã, thôn, trang, trại.
 - 2° Vĩnh-bảo-huyện, 8 tổng, 67 xã, thôn,
 - 3° Gia-lộc-huyện, 9 tổng, 85 xã, thôn.
 - 4° Tứ-kì-huyện, 8 tổng, 77 xã, thôn.
- 3° Nam-sách-phủ, 4 huyện. thành-châu-vi 208 trượng, cao 7 thước 2 tắc, có hào, 3 cửa.
 - 1° Chí-linh-huyện, 7 tổng, 65 xã, thôn.
 - 2° Thanh-lâm-huyện, 10 tổng, 82 xã, thôn.
 - 3° Thanh-hà-huyện, 10 tổng, 64 xã, thôn.
 - 4° Tiên-minh-huyện, 12 tổng, 92 xã, thôn.
- 4° Kinh-môn-phủ, 3 huyện, thành 271 trượng 6 thước, cao 7 thước 2 tắc, có hào, 3 cửa.
 - 1° Giáp-sơn-huyện, 7 tổng, 62 xã, thôn, phường.
 - 2° Đông-triều-huyện, 11 tổng, 98 xã, thôn.
 - 3° Thủy-đường-huyện, 12 tổng, 78 xã, thôn.
- 5° Kiến-thoại-phủ, 4 huyện, thành-châu-vi 133 trượng, cao 7 thước, có hào, 2 cửa.
 - 1° Nghi-dương-huyện, 12 tổng, 57 xã, thôn, phường.
 - 2° An-dương-huyện, 9 tổng, 63 xã, thôn.
 - 3° Kim-thành-huyện, 11 tổng, 81 xã, phường.
 - 4° An-lão-huyện, 10 tổng, 62 xã, thôn.

HÌNH-THỂ

Tỉnh Hải-dương ở phía đông đất Bắc-kỳ, có núi-non sông-biên, tốt thể hiểm địa lắm.

Núi có danh hơn là An-tử sơn, Đông-triều sơn.

Sông lớn là Cầm-giang. Phía T. phía N, thì đất bằng, sông rạch ăn quanh-quẹo lằng-xằng lit-xít. Phía Đ, phía N, thì cao núi, rộng biển. Đất có nhiều góc ngách hiểm-hóc lắm.

KHÍ-HẦU

Khí-hầu cũng gần như tỉnh Hà-nội; có một điều ở gần biên, mùa hè mùa thu gió đông nam thường thổi. Thường hè đến mồng 10 tháng 8 thì có đông gió, mưa to luôn. Ngày ấy là ngày

chơi trâu tại xứ Đầu-sơn. Tục hay nói : *Buôn dầu bán dầu, mồng 10 tháng 8 chơi trâu tìm về*. 20 tháng 9, mồng 5 tháng 10 có rươi ra, người-ta đi bắt đem về làm mắm ; nước lớn sông day lên có bão có tố kêu là *hỏa-trùng-phong*.

PHONG-TỤC

Phong-tục cũng đồng như Hà-nội ; có nhiều học-trò, nghề nghiệp thợ-thầy cũng giỏi cũng khéo. Cũng hay ăn-chơi, tiệc-tà, kị-thần, tế quỷ, lại thêm cái tục chơi trâu. Việc tế-tự quỷ thần hay làm lớn, tế heo trâu không sợ hao-tốn ; nên có lời tục rằng : *Sống làm trai Bát-tràng, chết làm thành-hoàn Kiều-Kị*, vì làng ấy hay làm thịt trâu mà đem tế thần, trâu dầu cũng đem tới đó mà làm.

Lại có câu hát gôp kê đưa hoang như sau này : *Bốn-phủ 19 huyện tỉnh Đông, em nghe thằng Xoài, thằng Lác, thằng Bông, thằng Quyền, nó đưa em đi chợ Lác-dống-phiên, chợ Lỗ chợ Chiền quán Nội, cầu Tu...*

THÀNH-TRỊ

Thành Hải-dương châu-vi nó 551 trượng, 6 thước, cao 1 trượng 0 thước, 2 tấc ; hình 6 góc, 4 cửa, hào rộng 11 trượng, sáu 6 thước, ở tại huyện Cam-giăng.

Thuở Lê năm Quang-thuận, xây tại huyện Chi-linh, làng Mặc-dộng-xã, tục kêu là *Dinh-lệ* ; sau dời qua xã Mao-diễn, huyện Cam-giăng, tục kêu là *Dinh-dậu*.

Đời Gia-long năm thứ 3 dời lại chỗ bây-giờ *Trấn-dan* làm thành đất. Minh-mạng năm thứ 5, xây bằng đá ong.

HỘ-KHẨU

Thuở Gia-long năm thứ 18, dân đinh được 23900 tên ; Bây-giờ 43900 tên.

ĐIỀN-PHÚ

Ruộng 425547 mẫu, thuế ; lúa 260319 đấu, tiền là 54417 quan, bạc là 1840 lượng.

Ngày 22 tháng giêng bỏ tỉnh Hải-dương mà xuống Hải-phòng. Có quan đại và quan tuần ngồi phà đi xuống với nữa. Giờ thứ 4 rưỡi chiều ngày 23 tới Hải-phòng. Lên lãnh-sự (M. Ture) mới hay chiếc tàu về Gia-định đã lấy neo chạy hồi trưa đi rồi. Lỡ dịp đi, buồn bức quá. Nhưng-mà cũng chẳng qua là bởi đâu xảy-khiến cho được biết đất Bắc rõ hơn.

Ở lại đó 10 bữa ; có ý đi theo tàu Washi về Hương-Cảng mà xuống tàu dò về Gia-định. Ở đó chờ tàu ăn hàng, chờ hàng trót chín mươi bữa, mà không thấy chạy ; lại nghĩ rằng : tàu ấy nhỏ quá, đi về bên tàu thì quanh hóa ra lâu về tới nhà lắm chẳng.

Vì vậy qua mồng 3 tháng 2, mới tỉnh ở mà đợi lòng nhóng đó cũng mất công vô ích ; chỉ bằng hồi ngữ về ngã Hương-cảng đi, để chờ dịp tàu sau về ngay Nam-kỳ. Mà bởi không biết chắc ngày nào tàu ra, mới tỉnh đi rong ít ngày qua Nam-định, Ninh-bình, Thanh-hóa, Hưng-yên cho biết xứ.

Nhứt định thề ấy rồi, cây chủ khách Wan-sing mượn một chiếc đò đưa qua Nam-định. Đò có đem ông :ầu Thìn, thầy ba Hồn lại với ông Kì là chủ ông cụ tham-biện Cư. (cha Thơ).

Giờ thứ 5 rưỡi chiều lui thuyền. Sáng ra giờ thứ 8 tới ngã ba xuống cửa Thái-bình. Chiều qua chùa Trông, tới đồn Mè ; đậu lại tại chợ Địa-đầu. Qua mồng 5 chiều giờ thứ 4 rưỡi tới thành Nam-định ; cơm nước dưới ghe dưới đò rồi lên nhà ông trùm Lý, rồi vô cụ sở họ có đạo tại thành thuộc-về địa-phận đức-thầy Phước. Cụ này cũng là cụ có danh-tiếng, giỏi việc đời, lành-lợi nhà-chung nhờ lắm. Thân-thuộc các quan tỉnh.

Sáng ra là nhằm ngày thứ tư lễ tro (Nam-định kêu là lễ-gio), xem lễ tại đó. Trong tỉnh quan tổng-đốc tên là Nguyễn-trọng-Hiệp đã đi hồi khuya có việc gấp đi rồi. Còn ông Nguyễn-đức-Trạch là quan bố-chánh, và ông Nguyễn-Tải là quan án-sát ở nhà. Các quan cứ lời ông tổng-đốc dặn, cho 1 ông đội, 1 ông thông-phân và 10 tên lính ra hầu. Đêm ấy cụ dạy làm heo ăn-uống đãi-dâng.

Sẵn đây tại giữa tỉnh thành, nói lược qua về tỉnh Nam-định đã, rồi sẽ nói về sự đi xuống Phát-diệm.

TỈNH NAM-ĐỊNH

Tỉnh hạt đông tây cự 112 lý. N. B. 84 lý

Đ. chạy giáp tỉnh Hải-dương nơi phủ Ninh-giang.

T. chạy giáp tỉnh Ninh-bình. An-khánh phủ, Gia-viên huyện.

N. chạy xuống biển.

B. chạy giáp tỉnh Hà nội, nơi Lý-nhân phủ, Bình-lục huyện.

Từ tỉnh tới kinh-đô là 1019 lý.

Nguyên đời Hùng-vương thì là bộ Lục-hải, đời nhà Tần về Trưng-quận, đời nhà Hán thì về Giao chỉ, đời nhà Ngô thì thuộc về Giao-châu, đời nhà Lương thì về Ninh-hải quận, đời nhà Đường đặt là Tống-châu, đời nhà Đinh đặt là đạo, Lê, Lý, Trần đặt là lộ Thiên-trường, đời nhà Lê (10 năm) kêu là Sơn-nam, đời Kiềng-hưng đến bây-giờ kêu là Nam-định.

Chia ra làm 4 phủ với 2 phân-phủ, lãnh 18 huyện

1° Thiên-trường phủ, lãnh 5 huyện.

1° Giao-thủy huyện, 10 tổng, 100 xã, thôn, phường

2° Nam-chân huyện, 6 tổng 60 xã, thôn, trang

3° Chân-minh huyện, 7 tổng, 62 xã, thôn phường trại.

- 4° Thương-nguyên huyện, 5 tổng, 47 xã, thôn, trang.
- 5° Mĩ-lộc huyện, 7 tổng, 51 xã, thôn, trang.
- 2° Kiến-xương phủ lãnh 4 huyện :
 - 1° Võ-tiên huyện, 7 tổng, 45 xã, thôn, lý, giáp.
 - 2° Xá-trì huyện, 8 tổng, 63 xã, thôn, trang.
 - 3° Chân-định huyện, 8 tổng, 69 xã, thôn, trang, trại.
 - 4° Tiền-hải huyện, 7 tổng, 47 ấp, lý, trại, giáp.
- 3° Nghĩa-hưng phủ lãnh 2 huyện :
 - 1° Đại-an huyện, 11 tổng, 72 xã, thôn, phường.
 - 2° Thiện-bồn huyện, 10 tổng, 88 xã, thôn, trang, trại.
- 4° Nghĩa-hưng phân phủ lãnh 2 huyện :
 - 1° Y-an huyện, 6 tổng, 36 xã, thôn, trại.
 - 2° An-ích huyện, 7 tổng, 53 xã, trang, trại.
- 5° Thái-bình phủ lãnh 3 huyện :
 - 1° Đông-quan huyện, 8 tổng, 55 xã, thôn, sở.
 - 2° Thoại-anh huyện, 9 tổng, 59 xã, thôn.
 - 3° Thanh-quan huyện, 10 tổng, 52 xã, thôn, trang.
- 6° Thái-bình phân phủ lãnh 2 huyện :
 - 1° Phụ-dự huyện 6 tổng, 36 xã, thôn.
 - 2° Quỳnh-khôi huyện, 6 tổng, 43 xã, thôn.

HÌNH - THỀ

Tỉnh này là hùng tỉnh thứ nhất Bắc-kỳ : ruộng-nương tốt, nhơn-vật thanh, buôn-bán lớn, chợ-búa đông. Phía T. B. có ngã ba hoàng-giang là sông Nhĩ-hà chảy xuống, sông sâu mà lại rộng ; phía N. xuống ngã ba Ngô-xá, bên hữu có sông Vị bao tỉnh-thành, xuống nữa tới ngã ba Độc-bộ-giang, xuống Kiến-xương phủ tới ngã ba Côn-giang, bên hữu từ sông Vị qua khoi phủ Xuân-trường, phía Đ. thì là ngã ba sông Đông-ngãi lại thành ra ngã tư Ngô-dồng, đều, chảy ra biển cả, ra 6 cửa :

- | | | |
|---------------------|---|----------------------|
| 1° Liêu (Hải-liêu). | } | đều lên Nam-dịnh cả. |
| 2° Lác. | | |
| 3° Ba-lạt. | | |
| 4° Lân. | | |
| 5° Trà (Trà-lý). | | |
| 6° Hộ (Diêm-hộ). | | |

KHÍ-HẦU

Nước mát, nóng rét cũng gần như Hà-nội. Lúa mùa hè tháng chạp chín. lúa mùa thu thì tháng 6 chín, Sen tháng 6, cúc tháng 10 thanh.

THÀNH-TRÍ

Thành Nam-định châu-vi 830 trượng, 7 thước, 3 tấc, cao 1 trượng 2 thước, 2 tấc, có 4 cửa; hào rộng 6 trượng, sáu 6 thước, lập tại huyện Mĩ-lộc.

HỘ-KHẨU

Minh-mạng năm đầu kể được 58,003 người dân tráng. Nay kể được 70,898 người dân tráng.

ĐIỀN-PHÚ

Ruộng đất được 524,977 mẫu; thuế: lúa được 470,712 đấu, tiền 229,637 quan; bạc được 175 lượng.

Ở tại nhà cụ Nghiêm một ngày mồng 6, qua trưa mồng 7 xuống phá quan tỉnh bắc đưa mà xuống Phát-diệm. Quan tỉnh đem cho trà tiền chơn lên đường, cấp 1 ông đội, 1 ông thông-phán vớt 8 tên lính đi theo hộ-đệ.

Từ-giã cụ xuống đi vào Ninh-bình, mà trước hết muốn xuống Phát-diệm viếng cụ Sáu đã. Giờ thứ 6 rạng mặt mồng 8 thì tới tuần Lộc-bộ, giờ thứ nhứt xế tới đồn Bình-hải, cửa Hải-liều. đậu đó chờ nước lớn mà vô ngòi Giới hay là Kim-giang mà vào Phát-diệm chỗ cụ Sáu ở.

Tối chạng-vạng thuyền mới tới bến, đậu ngoài vàm rạch. Cho người đem thiệp lên trình. Cụ cho rước lên nhà vuông xơi nước; sau mới lên lầu chuyện vãn cho tới giờ thứ 11 mới phân nhau ra đi nghỉ. Sáng ra cụ cho mời đi xem lễ, rồi ra đi xem cảnh nhà-thờ trái-tim. Nhà-thờ Đức-bà nhỏ mà tốt, bàn-thờ, giảng-ngự, bàn-dạm, hết thấy đều làm bằng đá Thanh chạm cả. Trước cửa có xây non-bộ đất lớn có hồ có cầu đi qua.

Còn nhà-thờ lớn ngoài thì có ngũ-môn lâu; trong bàn-thờ cũng làm bằng đá Thanh làm kiểu-cách khéo đẹp dễ coi lắm. Lại nơi nhà hành-lang thấy đang có trổ đá Thanh chạm đồ, lại làm một cây thánh-giá đá nguyên một miếng trổ ra để sau có dựng lên trên lầu nhà-thờ. Đằng sau nhà-thờ cụ có xây một cái núi lớn gần bằng hòn núi thiệt vậy, để làm núi Calvariò, trong ruột có xây hang để làm hang đá Đ. C. G. sinh ra (1). Việc rất quá hung! Lên núi tìm chon đá nguyên cả viên, viên nào nhắm thể thì lấy mà chở đem về mà làm chẳng sợ tổn-kém công nhân vật liệu.

Chép ra đây ít bài thơ về cảnh, thì biết thắng cảnh là chừng nào:

(1) Đ. C. G. = là Đức chúa Giê-giù (= Đa-tô.)

TRẦN-THIỆT

Sực xem thấy nhà-thờ Phát-diêm.
Thật nguy-nga cung-điện hần-hồi,
Đọc kinh rồi đứng đó mà coi,
Hồ sơn thủy lâu-đài như tạc,
Sách có chữ rằng : Thị chu lưu bàn-bạc.
Bất dĩ Tần nhi bất dĩ Hán,
Nhờ đội ơn trên ra sức phù-trì,
Cho người thế biết đường giữ đạo,
Sách có chữ : hữu công vi văn giáo,
Thị thánh-hiền vi vạn thế sanh dân,
Chữ rằng : đức dữ nhật tân,

HIẾU SƠN CAO ĐÌNH

Ngoài có hồ trong lại có hang,
Rõ-ràng thay, hà xứ bất giang-san,
Ấy mới biết : Thiên chi hạ, mạc phi vương thổ,
Thơ rằng : hòa khí dữ xuân phong,
Nhớ có câu : đạo vị vô cùng.
Sách có chữ : địa dĩ nhân nhi thắng,
Tứ phương giai ngã cảnh,
Nhân dĩ đức nhi long,
Hữu thiên hà xứ bất,

NHÀ-THỜ TRÁI-TIM.

Tâm giả nhân chi bản dã.
Gốc đã tươi hoa quả cũng tươi,
Có luân-thường đạo-lý mới ra người,
Nên phải cấy trái-tim cho chắc chắn,
Thơ rằng : bỉ thời tuy nhân vãn,
Quân-tử bất tru bần,
Chữ rằng : phụ hảo tâm nhân,
Vậy phải giữ chữ tâm cho vững.
Nhờ Chúa cả hộ cho mạnh-khoẻ,
Nọ mới hay bỉ cực thời lai.
Hữu nhân hữu thổ hữu tài...
Thấy phong cảnh Phát-diêm thật nên ghê,
Nhân ngồi chơi tay tả bút đề,
Vịnh phong-cảnh vài câu quốc ngữ:

Thơ rằng :

Từ thời giai hứng dữ,
Vạn vật tỉnh quan nhi,
Trên cửa lầu chuông trống uy-nghi,
Trước hồ thấy hoa sen đỏ chói,
Đường thập-đạo đá xây bốn lối,
Cửa ngủ môn xuất nhập đạo cung môn,
Tứ thời phong-cảnh tứ thời xuân....

Nội ngày ấy cho phái-tĩnh lên Ninh-bình trình tờ. Chiều tối bữa ấy có 3 cổ là cổ Khánh (P. Ravier), cổ Hiền (P. Thorol), cổ Hiền (P. Roussin), tới họ dạng qua bữa thứ 2 có-làm việc toàn-xá trong xứ ấy.

Cụ Sáu làm cụ xứ chính sở, có các cụ khác giúp người nữa là cụ Ngân, cụ Bản, cụ Tư, cụ Tính, cũng đều có gặp mặt đó cả.

Các cổ nghe nói, có cho mời ta xuống hỏi thăm chuyện nọ chuyện kia, đem rượu lễ đãi, nói chuyện một lát rồi từ-giã trở lên phòng.

Qua ngày thứ 2 là ngày 11, xem lễ tại nhà thờ Trái-tim rồi ra đi coi hang đá, đi rào vòng rồi về nhà cụ, cơm nước xong rồi từ-giã các cổ các cụ mà đi.

Cụ Sáu chính tên người là Trần-Triêm, triều-đình đặt là Trần-Lục; người là người đặc lực với Triều-đình; người tài-trí thông-minh, lanh-lợi việc ăn-ở xử-trí theo phận đời lắm; mưu-mô gan dạ cũng hung, dân sự phục tình, quan quyền cũng yêu đương trọng đãi. Nhờ cụ mưu-mô trí-biến mà xử-trí yên với Văn-thân lúc khốn-khó giao-hòa trả tỉnh lại. Nói qua vậy cho biết người là người anh-danh đất Bắc, là chỗ nhờ-cậy của nhà chung địa-phận nam.

Vậy phần thì đã vào chay rồi, phần thì cụ mắc làm toàn-xá cho họ, nên từ cụ mà đi vô Thanh-hóa. Vậy cụ liền dạy sắm thuyền, đồ hỏa-thực, lại cho thầy Trương-văn-Thông đi theo đem đường. Giờ thứ mười rưỡi xuống thuyền đi ngòi Truy-lộc ra kinh Càn ngã ba Ngát-kéo ra cửa Thần-phủ (Đại-chính) rồi theo sông Trường-giang. Bên tay mặt làng Truy-định có núi Đường-ràng. núi Chiếc-đũa. núi Bần-tiền, núi Con-trâu gần núi Ne, núi Chóp-chài, hay là Trát-con-lợn. Núi cao hơn hết nội đàm ấy là núi Chóp-chài, nên có lời ví rằng: *Nhứt cao là núi Chóp-chài, nhứt rộng là bể, nhứt dài là sông.*

Giờ thứ tư chiều tới sở nhà-chung Tông-Chánh, lớn rộng được 413 mẫu đất, 113 mẫu có 3 hòn núi bao là núi Ghép, núi

Hạng-hốc và núi Miếu, còn ngoài 300 mẫu nữa, mới khai phá từ năm 1872, là của nhà-nước thế lại đất nhà-chung Kẻ-vĩnh bị kẻ ngoại cướp-phá đi. Ở đó có cụ Bản mà người đi kẻ liệt khỏi; còn lại nhà có thầy già từ Khánh, lên đó coi rồi ăn bữa cơm, xuống thuyền đi đi. Giờ thứ 7 qua đồn Chính-dại bắt phu đưa đi. Đến giờ thứ 8 rưỡi tới tới bia Thần. Đánh đuốc lên coi thấy trên núi đá hằm có chạm một chữ 神 Thần, người-ta nói bề cao 7 thước, bề ngang nét chữ kê trót thước, một bên có đề : 日南元主神筆 *Nhật-Nam Nguyên chúa thần bút.*

LÃ-VỌNG, HANG-THỊ

Đi nữa thì đi ngang qua Lã-vọng và hang Thị. Giờ thứ 9 tới nhà ông Chánh là anh cậu Sáu tại Mĩ-quang-phường, trọ (đỗ) đó dựng sáng ra có đi coi hang Từ-thức.

ĐỘNG TỪ-THỨC

Hang Từ-thức ở tại xã Trị-nội, tổng Kiêu-vĩnh, huyện Ngason, phủ Hà-trung.

Đi đến đó phải đi qua cái đèo, rồi đi vòng lại bên tả mới tới miệng hang. Chỗ ấy kêu là Từ-thức động hay là Bích-đào động.

Ở ngoài có cái miếu nhỏ nhỏ, nơi cửa động có chữ đề khắc vô đá. Vào trong phải có đuốc, vô trong nó rung rinh, có chỗ có dường như cột đá; dưới chơn, chỗ thì có đá viên tròn vo bằng viên đạn cũng nhiều, nhỏ hơn nữa cũng nhiều, có chỗ thì đầy những đá đen cục hòn mà thành hình như trái mướp-cầu khô; còn có chỗ lại có đá ra hình bàn-ghế, mòn trơn có vân có hoa như chạm-trổ vậy. Trên đầu ngó lên thấy thạch-nhũ như là màn treo có thể bỏ xuống, trong đá coi nhấp nháng sáng ngời như kim-sa. Hết bùng-bình này tới bùng-bình khác. Sau hết xuống tới cồ-kiềng là cái miệng xuống hang dưới nữa, nó như miệng giếng, phải nghiêng mình lặn theo thì xuống mớiặng; dưới đây hết thì có cái như cái ao bèo cám lênh láng. Đi hồi giờ thứ 6 đến giờ thứ 8 rưỡi mới tới nơi.

Coi rồi trở ra, những kẻ đi theo nói có nghe còn có cái hang Trung-thu nữa. Vậy mới rủ nhau đi ngang làng Trị-nội, Giáp-nội, Giáp-lục, vô đình làng tổng đang nhóm, bắt người dẫn đường đi, nó dẫu lắm, kẻ nói có, người nói không, không chịu đi chỉ. Sau hết làng cho một chủ kia đi đem đường, nó đem tới chơn núi có hang nhỏ đó, nó chỉ xả là đó; vào coi không phải, nộ-nạt ngăm-đe nó cũng cứ nói không biết. Cho người leo lên núi tìm. Khi tìm được, nó rổ lên kêu và lấy khăn làm cờ phất bảo đã tìm được hang. Ta mệt thì mệt cũng ham xăn

áo treo lên; ban đầu còn để giày, sau phải cởi ra, tay vịn chơn treo, mồ-hôi mồ-hám lỏa ra ướt đầm-dề. Tới nơi rã rời gân cốt, ngồi thái lai trên viên đá nghỉ cho bớt mệt đã sẽ vào hang. Thấp đuốc kéo nhau mà đi coi được hai ba từng rồi mệt thôi bỏ ra, xuống mà về. Tới giờ thứ 1 rưỡi mới tới nhà trọ. Từ-giã làng họ và chủ nhà, xuống thuyền cứ đi lên mãi; giờ thứ 5

HANG DƠI

rưỡi tới chùa hang Dơi, Chữ đặt là Bạch-a-dộng. Ghé lại lên coi, nó là cái núi tầm phồng ruột, trong rộng rinh, đằng sau có chùa; ngoài cửa động có đề thơ lại có hiệu 寶天洞主題 大順三年二月 *Bửu-thiên-dộng-chùa đề. Đại-thuận tam niên nhị nguyệt*. vân vân. . .

Coi rồi xuống thuyền đi lên Khan-dừa, thuyền cạn nước đi đã không được, phần trời đã tối: thầy Thông nghe tiếng trẻ học-trò (đồng-nhi) đi nhà thờ về, kêu bảo xuống đây thuyền,

CỤ ĐỆ

nó xúm nó đầy rần tới bến cụ xứ đó là cụ Đệ. Cụ thấp đèn xuống rước lên, khi ấy là giờ thứ 8. Lên vào nhà, người-ta đến coi đông lắm; cụ vui vẻ, mừng rỡ hết sức; đem rượu lễ rót dãi, ở đó chuyện vãn cho tới giờ thứ mười rưỡi, mới từ tạ cụ mà xuống. cụ lại cho thầy Khoa sắm vật-thực xuống đi đưa lên tỉnh. Ngủ thuyền sáng ra giờ thứ 6 dậy, lên sông Trường-giang, giờ thứ 8 rưỡi tới tuần Nga (12 tháng 2, 8 mars 1876.) Đi ngã sông Hàn, lên vực Chẽ, rồi tới bến Gũ. Ở đó bên hữu có giã núi Làng-ngang, bên tả có núi Chè (Tứ-mĩ): qua khỏi thác Con-bò thì lên Hàn-kim-san, rồi lên ngã ba Bông. Ở đó lạch cạn, mới bắt thủy-cơ chuyên luân đệ, canh hai mới tới bến Ngự rồi vô bến Cốc. Qua làng Hang, núi Lửa mà lên tỉnh. Giờ thứ 2 rưỡi khuya tới tỉnh. Tin lên nhà Chiêu-tư ở Tuy-biên thôn, Đông-phổ giáp, cho cang xuống rước lên. Ăn-uống nói chuyện cho tới sáng ăn thua.

TỈNH THANH-HÓA

Đ. T. cự 174 lý, N. B. cự 285 lý.

Đ. chạy xuống tới biển.

T. chạy lên tới Sơn-dộng giáp Ai-lao.

N. chạy vô tới Nghệ-an, nơi huyện Quỳnh-lưu

B. chạy tới Ninh-bình, tại huyện Phụng-hóa.

Từ tỉnh thành vào kinh 843 lý.

Đời Hùng-vương là bộ Cửu-chơn ; đời Triệu-võ-đế là quận Cửu-chơn. Đời Hán, Ngô, Tấn, Tống, cũng là Cửu-chơn. Đời Lương-võ đế mới đặt lại là Ai-châu. Nhà Đinh đặt là đạo, Lê đặt là lộ, Lý cải ra trại rồi cải ra phủ Thanh-hóa ; quảng-thái 10 năm cải làm Thanh đô-trấn ; Hồ quý-ly cải tên là Thanh-hóa phủ làm Thiên-xương phủ, hiệp với Cửu-chơn, Ai-châu làm Tam-phủ, kiêu là Tây-đô. Đời Lê làm đạo, thừa-tuyên, trấn. Đến Thiệu-trị cải làm tỉnh. Đến nay từ Tự đức 3 năm, tỉnh Thanh-hóa lãnh 5 phủ, 16 huyện, 3 châu, kèm 1 phủ ki-mi có 3 huyện.

1° Hà-trung phủ, 5 huyện :

- 1° Tống-sơn-quí huyện, 4 tổng, 63 xã, thôn, trang.
- 2° Nga-sơn-huyện, 6 tổng, 102 xã, thôn, trang.
- 3° Hậu-lộc huyện, 4 tổng, 73 xã, thôn, vạn.
- 4° Hoàng-hóa huyện, 5 tổng, 92 xã, thôn, trang, sở.
- 5° Mĩ-Hóa huyện, 4 tổng, 79 xã, thôn, trang, sở.

2° Thiện-hóa phủ, 3 huyện :

- 1° Đông-sơn huyện, 7 tổng, 146 xã, thôn, trang.
- 2° Thoại-nguyên huyện, 8 tổng, 117 xã, thôn, trang, trại, giáp.
- 3° An-định huyện, 8 tổng, 107 xã, thôn, trang, trại, phường.

3° Quảng-hóa phủ, 4 huyện, 1 châu :

- 1° Vĩnh-lộc huyện, 7 tổng, 63 xã, thôn, trang.
- 2° Thạch-thành huyện, 6 tổng, 58 xã, thôn, sách.
- 3° Quảng-tế huyện, 5 tổng, 28 xã, thôn, trang.
- 4° Cầm-thủy huyện, 9 tổng, 75 xã.
- 5° Khai-hóa châu, 6 tổng, 28 xã.

4° Thọ-xuân phủ, 1 huyện, 2 châu :

- 1° Lôi-duong huyện, 9 tổng, 195 xã, thôn.
- 2° Thường-xuân châu huyện, 4 tổng, 25, thôn.
- 3° Lương-chánh châu, 8 tổng, 42 xã, thôn.

5° Tĩnh-gia phủ 3 huyện :

- 1° Ngọc-sơn huyện, 6 tổng, 124 xã, thôn, phường, giáp.
- 2° Quảng-xương huyện, 4 tổng, 132 xã, thôn.
- 3° Nông-cống huyện, 12 tổng, 212 xã, thôn.

6° Trấn-nam phủ, 3 huyện. (Ki-mi phủ).

- 1° Trình-cổ huyện, 2 tổng, 45 mang-bôn.
- 2° Man-duy huyện, 6 mang-bôn.
- 3° Sầm-da huyện, 8 mang-bôn.

THÀNH-TRỊ

Thành Thanh-hóa bây-giờ trước là thành đất, Minh-mang 9 năm xây đá xây gạch ; châu vi 630 trượng, 4 cửa ; bề cao 1 trượng, hào rộng 8 trượng, 8 thước ; sâu 6 thước 5 tấc, tại Thọ-hạc xã, huyện Đông-sơn.

SÔNG, NÚI

Núi, sông, cửa biển có danh là núi Thiên-tôn, Núi Na-cù, sông Lương-mã, sông Ngọc-giáp, cửa Hội-triều, cửa Kì-bích.

HỒ KHẦU

Gia-Long 18 năm 33233 người, nay 51379 người.

ĐIỀN-PHÚ

Ruộng đất 292129 mẫu, thuế : lúa 147252 đấu, tiền 133679 quan, bạc 515 lượng.

Nội ban mai bữa ấy, ông Kì vào tỉnh về, thì tỉnh với nhau mà đi ra cho khỏi, vì thấy chủ nhà cũng lợt-lạt co-ro còm-rỗm không bằng lòng cho mấy. Vậy mới mướn cang mà đi bộ ngã Ba-giội (Tam-diệp) mà ra tỉnh Ninh-bình. Tới đò Triền tối ngủ tại quán ; sáng ngày ra (15 tháng 2, 10 mars) giờ thứ 7 rưỡi qua sông, đi qua chợ Gia quán Giốc ; qua đò Lèn, chợ Cuội, đồn Viêm, đồn Giâu mới tới Ba-giội (là Tam-diệp) đó có đền Sông (Sơn-tiên-thị).

Đến đó xuống cang để đi chơn mà coi chơi cho biết, cho cang đi không. Qua khỏi Tam-diệp rồi tới quán Cháo, ra tới quán Gành vừa tối, nên ở lại quán ngủ đó một đêm. Giờ thứ tư sáng ở quán Gành cất ra đi, khỏi quán Sanh, Ba-vuông rồi mới tới tỉnh Nam bình. Dọc-đường đi ngó thấy tại đất bằng có nhiều cái hòn núi nhỏ riêng ra nhau từ cái, dường như núi canh, như non-bộ đất vậy. Đi riết giờ thứ 8 rưỡi tới tỉnh vào trọ nhà bà Phó-vàng là người có đạo ở gần tỉnh Nghi-ngoi, cơm nước đó một lát, kẻ lấy trong tỉnh quan tuần-phủ tên là Đặng-xuân-Toán cho ông lãnh-binh ra mời võ thành chơi, (giờ thứ 11). Xách dù đi có đem ông Kì đi theo vào thành, thiên-hạ nghe tiếng người Gia-dịnh rùng-rùng kéo nhau đi theo coi, lớp kia lớp nọ đông nức. Vào thành rồi, nó còn làm hỗn leo-trèo mà coi, thì quan lãnh-binh phải đóng cửa thành lại. Thăm ông tuần rồi có quan án đó (Đồng-sĩ-Vĩnh) lại mời luôn về dinh. Khi từ-giã ra về, người có đem tiền chơn 2 bình trà với 20 quan tiền.

TỈNH NINH-BÌNH

Đ. T. cự 68 lý, N. B. cự 57 lý.

Đ. giáp địa phận huyện Đại-an tỉnh Nam-dịnh.

T. giáp địa phận huyện Thạch-thành tỉnh Thanh-hóa.

N. giáp địa phận huyện Tống-sơn và Nga-sơn tỉnh Thanh.

B. giáp địa phận huyện Thanh-liêm, Chương-đức tỉnh Hà-nội.

Nguyên đầu hết là đất Nam-giao, đời Tần thuộc về Tượng-quận. Từ Hán sắp về sau thuộc Giao-chỉ, Tấn, Tùy về sau về Giao-châu, rồi đời nhà Lương thì là Trường-châu ; đời nhà

Đinh, Lê đóng đô tại Hoa-lư ; đời nhà Lý kêu là Trường-an phủ, rồi sau kêu là Đại-hoàng (huỳnh) châu. Đời nhà Trần cải Trường-an lộ, Trường-an trấn làm Thiên-quan trấn. Đời Mạc cự với Lê thì kêu là Thanh-hóa-ngoại trấn. Đời Gia-long 5 năm cải làm Thanh-bình đạo ; Minh-mạng 10 năm cải làm Ninh-bình trấn, 12 năm cải kêu là tỉnh lãnh 2 phủ, 7 huyện :

1^o An-khánh phủ, 3 huyện :

1^o Gia-viễn huyện, 12 tổng, 92 xã, thôn, trang, phường.

2^o An-mô huyện, 9 tổng, 72 xã, thôn, trang, ấp trại,

3^o Kim-xơn huyện, 7 tổng, 63 ấp, lý giáp, trại,

2^o Thiên-quan phủ, 3 huyện :

1^o Phụng-hóa huyện, 4 tổng, 29 xã, thôn, trại,

2^o An-hóa huyện, 4 tổng, 22 xã, thôn, trang,

3^o Lạc-an huyện, 4 tổng 50 xã, thôn,

THÀNH-TRỊ

Thành Ninh-bình châu-vi 393 trượng, 9 thước, cao 9 thước, hào rộng 4 trượng, sâu 4 thước, tả hữu có sông, trong thành có Thủy-sơn Vân-mộng, chùa Non-nước, (Sơn-thủy tự), đền Tam-tòa ; có gác thượng tiến. Sau lưng có núi Cảnh-diều án. Thành coi nguy-nga đẹp-đẽ lắm.

HỘ-KHẨU

Gia-long được 9,800 ; bây-giờ 3.192 người.

ĐIỀN-PHÚ

Ruộng 132,855 Mẫu ; thuế : lúa 99,044 đấu, tiền 58,339 quan, bạc 7 lượng, mà nay ruộng đất 145,629 mẫu ; thuế : lúa 103,394 đấu, tiền 35,208 quan.

Ở tỉnh về nghĩ một chút, mượn thuyền lên sở nhà chung Kê-xở (Sở-kiện). Ra đi hồi giờ thứ 1 rưỡi giờ thứ 2, ghé coi chùa nơi ngã ba non nước, rồi đi lên kinh Ma (đời 12 Sứ-quân), qua đò Khuốt (Đoan-vi), qua núi Kẽm-trống, Bồng-lạng, Nam-công qua Kẽ-lường, Kẽ-dặng lên Sở-kiện. Bắt phu chèo giờ thứ 4 sáng tới, vừa xem lễ chúa-nhật *Reminiscere*. Bên nhà chung, vào cha Mathevon (cố-Hương), người mừng-rở quá sức. Vào nhà-thờ Sách-đoán xem lễ.

NHÀ CHUNG KÊ-SỞ

Về phòng, có các cố tới mừng. Các cố ở đó là :

Ô. Ô. cố Hương. (P. Mathevon).

Cổ Cao, (Liêu) P. Dumoulin).

Cổ Bồn (P. Bon).

Cổ Đoan, (P. Perreau),

Cổ Lạc, (P. Godard),

Cổ Khoan, (P. Poligné),

Cổ Loan, (P. Le Page)

Tên các cụ :

Cụ Chắt 90 tuổi, chính cụ xứ đó.

Cơm mai rồi, các cổ đem đi coi nhà in, coi đất nhà-chung, đi coi trường sách đoán, thăm cụ Chắt. Chiều có làm phép mình thánh Chúa tại nhà-thờ họ. Khi tới đó thì các cổ đã cho tin cho cổ Cao đi làm toàn-xá dưới Nam-xang, nên cha lật-đật về tới nhà chung giờ thứ 1 chiều bữa sau. Người mừng-rỡ quá sức (khi trước vào Gia-định có ở họ Chợ-quán ít tháng nên quên biết lắm). Cơm rồi về phòng nói chuyện tới giờ thứ 9 rưỡi mới chia nhau ra về ngủ.

LÊN HẢ-NỘI LẠI

Ở đó 3 ngày, qua sáng thứ tư, xem lễ, cơm mai rồi từ-giã các cổ các cụ xuống thuyền. Cổ Liêu (Cao), cổ Bon đưa tới bến ; cụ Chắt đi theo hỏi truyện tới Phạm-xá mới lên ; Qua tuần Châu, phủ Lý-nhân, qua phố Đầm tới sông Lấp, tối đậu lại nghỉ đó :

Sáng ngày dậy đi qua Đới-diệp, Mang-giang, tuần Mễ, tuần Đẳng, giờ thứ 9 rưỡi tới Phố-hiến, lên tuần Xích-đẳng, lên Bông-cời, đi ngang qua tỉnh thành Hưng-yên, ngã ba Thá bên tả về Hà-nội, bên hữu về Hưng-yên ; qua Lãnh-trì, dò Cời, dò Bông ; giờ thứ 2 xế đi ngang qua họ Cồ-liêu có nhà trường Hoàng-nguyên không ghé, đi thẳng giờ thứ năm rưỡi tới Vườn-chuối đậu đó ngủ.

TỈNH HUNG-YÊN

Đ. giáp đất tỉnh Nam-định.

T. giáp tới sông Nhĩ-hà ngang Hà-nội,

N. giáp tới sông Nhĩ-hà.....

B. giáp tới sông Hải-dương,

Đó thuở trước kêu là Sơn-nam thượng. Đời Hán thuộc Giao-chỉ quận là đất Châu-nhai, đời nhà Lương đặt là quận Vô-bình. Đời Ngô-vương kêu là Thăng-châu. Khoái-châu. Minh-mạng 3 năm đặt là trấn Sơn-nam, Minh-mạng 13 năm cải làm tỉnh Hưng-yên 2 phủ 8, huyện :

1° Khôi-châu phủ 4 huyện,

1° Đông-an huyện, 10, 79 xã, thôn,

2° Kim-động huyện, 14 tổng, 107 xã, thôn,

3° Thiên-thị huyện, 8 tổng, 61 xã, thôn,

4° Nhu-dung huyện, 6 tổng, 46 xã,

2° Tiên-hưng phủ 4 huyện :

1° Thần-kê huyện, 8 tổng 46 xã, thôn, trang,

2° Diên-hà huyện, 12 tổng, 114 xã, thôn,

3° Hưng-nhơn huyện, 6 tổng, 56 xã,

4° Tiên-lữ huyện, 8 tổng, 55 xã, thôn,

HỘ-KHẦU

16,730 tên.

ĐIÊN-PHÚ.

Ruộng đất 200,796 mẫu ; thuế : lúa 145,517 đấu ; tiền 119,600 quan ; bạc 7036 lượng.

Sáng ngày 22 tháng 2 (17 mars) ở Vườn chuối đi lên tuần Mễ, Giầm-nong, Giầm-nia ghé lại Văn-giang chỗ vỡ bờ-dê, đang đắp đàng bồi lại, ở trong đó là Nhứt-dạ-trạch thuở xưa. Cho trẻ đi mua gạo ăn, nhơn lên coi mông chơi. Tối đậu ngũ đó.

Sáng thứ bảy (bữa sau) ở Văn-giang lên Bát-tràng (Thanh-trì), là làng giàu có làm đồ sành, đồ sứ, đồ gốm, gạch ngói, nhứt-là gạch Bát-tràng, lên đó đi bộ coi. Nhà ngói cả, người ta giàu có, phong-lưu.

TỚI HÀ-NỘI

Trưa tới Hà-nội, lên nhà Đức thầy Phước ; rồi vào trường thi thăm ông de Kergaradec làm lãnh-sự đó : đi ra dạo hàng khay, tối về ăn cơm ngủ tại nhà Đức cha.

Sáng ngày nhằm ngày chúa-nhật *Oculi*, xem lễ. Vào thăm các quan Langsa trong trường thi, ông quan điều-hộ Jardon mời ăn cơm. Về đi thăm quan tổng-đốc Trần-đình-Túc, rồi mua thêm đồ-đặc ngày ấy và ngày bữa sau (thứ 2, 20 mars 25 tháng 2) Lãnh-sự mời đi ăn cơm tối với vợ chồng ông Directeur du Génie. Từ giã sáng ngày có xuống Hải-phòng. Sáng xem lễ rồi, giờ thứ 9 rưỡi xuống thuyền quan tỉnh bắt đưa mà đi.

XUỐNG HẢI-PHÒNG

Đi có bá Quỳnh, với Tư., đi theo nữa. Giờ thứ 4 chiều tới tuần Mễ ; các anh ấy kêu được đào Lan, đào Vịnh dòng ghe

theo hát chơi dưới thuyền. Ngày thứ tư ấy đi từ tuần Đẳng cho tới mới tới tuần Lầu ; ngày thứ 5 trưa tới chợ Giồng, tuần Chanh và đi rết mãi giờ thứ 5 bữa sau ngày thứ 6 mới tới Hải-phòng. Nóng-nảy bươn-bã hết sức mà cũng hụt tàu l Indre, chạy về Gia-định hồi xế giờ thứ 2 đi rồi. Từ Hà-nội đi xuôi Hải-phòng chiến này hết 4 ngày mới tới. (29 tháng 2, 24 mars).

Bấy-giờ ở đó mà chờ tàu Giadịnh ra mà về, đêm ngày bức-rức ngóng-trông cho mau có tàu mà về. Chờ hết 21 ngày mới có tàu Surcouf ra mới về được. Ở đậu tại nhà ông tham-biện Cự (cụ Thor) ; còn ông Sáu với thầy ba thì mượn cho một cái nhà ở bên kia với thợ cần đem về theo. Ngày-ngày qua lại thăm-lom ; khi đi chơi chỗ này khi đi dạo chỗ kia cho khuây-lãng. Coi sách, viết-lách cho no rồi lại đánh cờ ; xách dù đi dạo thăm người quen. Nay quan này mai quan kia mời ăn-uống chơi hát nhà-trò, đào Hiền, đào Lợt, đào Hòa.

Lúc ở đó, có làm việc quan thể cho ông tham-biện Cự, khi ông đi-bắn năm bảy bữa, khi đi cấm phòng, đôi ba bữa. Có bữa cụ Thông là cụ địa-phận Iphanho đi qua dò vãng nghe tiếng con-gái nhỏ ở sau bông lái tàu kêu cứu. Cụ biết nó là quân bị Ngô bắt, chạy qua tham-biện báo. Ta liền chạy lạy thương chánh nói với quan Võ-túc cho triệt chiếc tàu ấy lại. Nó không muốn ghé, cho theo bắt. Cho lính xuống soát, nó cự không cho, gập tây làm chường đình-dính kêu cạy xuống với lính mà đem ba đứa con-gái lên. Nó khai rõ-ràng Ngô bỏ thuốc bắt nó, còn một đứa nhỏ còn mê thuốc chưa đã. Dạy nùm co các chú Ngô đem lên đóng gông lại, tịch tàu nó đi. Mượn Hai tên lính tây canh tàu Sau giải về tỉnh Hải-dương trị tội. Lại có gặp chiếc tàu Hồng-mao có quan khâm-phái lãnh-sự tới đó, lên thăm trên thương-chánh ; sau có mời xuống tàu coi tàu (tàu tên là Egeria).

Sau hết từ giã quan-quyền tây nam và kẻ quen biết hết cả, ngày thứ 7 21 tháng 3 (le 15 avril), giờ thứ 1 xuống tàu, qua giờ thứ 3 chạy ra ngã cửa Cấm ; chạy luôn qua ngày thứ 2 giờ thứ 10 vô vũng Hàn bỏ neo đậu lại ; trên thủ-ngữ đem ống trạm xuống, giờ thứ 1 lấy neo chạy ngay về Gia-định, giờ thứ 5 sáng ngày thứ 5 là 26 tháng 3 (20 avril) vào cửa Cần-giờ. Giờ thứ 11 lên tới Saigon giec neo đậu lại. Mượn dò chỗ đỗ và người về thẳng nhà. Trong nhà không ai dè, vô tới bến mới hay.

CHUNG